



Số: 24/2022/CBTT-FNS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tp.HCM, ngày 13 tháng 8 năm 2022

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

Tên viết tắt: FNS

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 7 Vincom Center, 72 Lê Thánh Tôn, P.Bến Nghé, Q.1, Tp.Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028.6295 9158

Fax: 028.6295 9218

Người thực hiện công bố thông tin: **DƯƠNG THỊ MINH THẢO**

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng):

Fax:

Loại thông tin công bố: 24 giờ 72 giờ Bất thường Theo yêu cầu Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

1. Báo cáo Tài chính bán niên năm 2022 đã được soát xét và công văn giải trình biến động lợi nhuận sau thuế. Toàn bộ nội dung báo cáo đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 13/8/2022 tại đường dẫn:

https://funan.com.vn/vi/cat/bao-cao-tai-chinh_49.html

2. Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại thời điểm 30/6/2022 đã được soát xét. Toàn bộ nội dung báo cáo đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 13/8/2022 tại đường dẫn:

https://funan.com.vn/vi/cat/bao-cao-ty-le-an-toan-tai-chinh_50.html

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi gửi:

- Như trên.
- Lưu: P.KSNB.

Đính kèm:

- Báo cáo tài chính bán niên năm 2022 và CV giải trình.
- Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



DƯƠNG THỊ MINH THẢO



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc

TP.HCM, Ngày 13 tháng 08 năm 2022

Số : 69./2022/CV-FNS

V/v Giải trình về việc lợi nhuận sau thuế TNDN

6 tháng đầu năm 2022 biến động so với cùng kỳ năm trước

Kính gửi:

- Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
- Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội
- Sở Giao Dịch Chứng Khoán Tp.HCM

Theo quy định tại điểm a khoản 4 điều 14 thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty CP Chứng Khoán FUNAN (FNS) giải trình số liệu lợi nhuận sau thuế TNDN tại báo cáo tài chính bán niên năm 2022 so với cùng kỳ báo cáo năm trước có biến động từ 10% trở lên như sau:

Chỉ Tiêu	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021	Tỷ lệ biến động
Lợi nhuận sau thuế TNDN trong đó:	(59.763.856.218)	52.589.011.415	(213,64%)
- Lợi nhuận đã thực hiện	26,700,811,573	18,333,026,820	
- Lợi nhuận chưa thực hiện	(86,464,667,791)	34,255,984,595	

Lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty giảm (213,64%) so với cùng kỳ nguyên nhân là do:

Chi phí chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL của danh mục đầu tư tự doanh Công ty đang nắm giữ tăng 348,84% so với cùng kỳ. Nguyên nhân do thị trường chứng khoán 6 tháng đầu năm đang theo đà xu hướng giảm điểm, bị ảnh hưởng nhiều do thông tin chiến tranh giữa Nga và Ukraine, lạm phát kinh tế tiếp tục tăng cao. Mặt khác do quy mô đầu tư tự doanh của Công ty trong 6 tháng đầu năm tăng so với cùng kỳ dẫn đến chi phí chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL tăng mạnh, làm cho Lợi nhuận chưa thực hiện của công ty lỗ tăng lên 330,65% so với cùng kỳ năm trước, dẫn đến hoàn nhập chi phí thuế TNDN hoãn lại trong kỳ.

Bên cạnh chi phí chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL tăng mạnh, thì doanh thu lãi từ các khoản cho vay, doanh thu nghiệp vụ môi giới và doanh thu lãi bán các tài sản tài chính FVTPL cũng tăng nhẹ lần lượt 70,09%, 51,23% và 56,48% so với cùng kỳ làm cho Lợi nhuận đã thực hiện của công ty lãi

tăng lên 45,64% so với cùng kỳ, dẫn đến chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tăng 60,00% so với cùng kỳ.

Ngoài các khoản doanh thu và chi phí tăng mạnh nhất trong kỳ như đã trình bày ở trên, thì các khoản doanh thu chi phí khác cũng tăng giảm tương ứng dẫn đến lợi nhuận sau thuế của Công ty giảm 213,64% so với cùng kỳ năm trước.

Trên đây là một số nguyên nhân chính dẫn đến lợi nhuận sau thuế của Công ty Cổ Phần Chứng Khoán Funan 6 tháng đầu năm 2022 giảm 213,64% so với cùng kỳ năm trước. Công ty xin kính giải trình để Quý Ủy Ban và Quý Sở được biết.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu: P.KT. KSNB. P.HCNS.

TUQ-Người Đại Diện Theo Pháp Luật



Trần Đình Khánh

TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Đình Khánh

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022



Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Điều hành	3
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ	4 - 5
Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ	6 - 10
Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ	11 - 12
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	13 - 15
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ	16
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	17 - 53

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan ("Công ty") được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo giấy phép thành lập và hoạt động số 87/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 27 tháng 6 năm 2008 và các giấy phép điều chỉnh.

Hoạt động chính trong kỳ của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, lưu ký chứng khoán, cung cấp dịch vụ tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán và giao dịch ký quỹ chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại Tầng 7 Vincom Center, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh và ba (3) chi nhánh vào ngày lập báo cáo này như sau:

- ▶ Chi nhánh Hà Nội: Tầng 10, Tòa nhà HAREC, số 4A Láng Hạ, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.
- ▶ Chi nhánh Sài Gòn: Tầng 3, số 353 - 353 Bis - 355 An Dương Vương, Phường 3, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.
- ▶ Chi nhánh Đà Nẵng: Số 90, 92 Hồ Xuân Hương, Phường Khuê Mỹ, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng.

Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty

Quy mô vốn

Theo báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ, tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, tổng vốn điều lệ của Công ty là 463.100.000.000 VND, vốn chủ sở hữu là 527.270.301.305 VND và tổng tài sản là 812.618.643.407 VND.

Mục tiêu đầu tư

Công ty hoạt động với mục tiêu là đóng góp cho sự phát triển của thị trường chứng khoán, đem lại lợi ích cho khách hàng, các nhà đầu tư và cổ đông của Công ty.

Hạn chế đầu tư

Công ty tuân thủ quy định hạn chế đầu tư theo Điều 28, Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định về hoạt động của công ty chứng khoán.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/Miễn nhiệm</u>
Bà Dương Thị Minh Thảo	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 11 năm 2019
Ông Bellman Ronald David Windevere	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 3 năm 2020
Bà Hoàng Thị Thùy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 3 năm 2020
Ông Boon Xin Nan, Tyrone	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 9 tháng 7 năm 2022
Ông Donato Anthony Michael	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 9 tháng 7 năm 2022
Ông Xu Chun	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 9 tháng 7 năm 2022
Ông Xu Zhi Wei	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 9 tháng 7 năm 2022

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Nguyễn Hà Trung	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 13 tháng 4 năm 2019
Bà Nguyễn Thị Thảo Lưu	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 13 tháng 4 năm 2019
Bà Phạm Thị Thùy Trâm	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2021

TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Tổng Giám đốc và Kế toán Trưởng của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Trần Đình Khánh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 5 năm 2020
Bà Nguyễn Thị Đoàn Thùy	Kế toán Trưởng	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2019

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là bà Dương Thị Minh Thảo, chức danh Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Ông Trần Đình Khánh - Tổng Giám đốc được ủy quyền ký báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 theo Giấy Ủy quyền số 05/2020/QĐUQ-CT.HĐQT của Chủ tịch Hội đồng Quản trị ngày 14 tháng 5 năm 2020.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Điều hành cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Điều hành Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.


Ban Điều hành Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Theo ý kiến của Ban Điều hành Công ty, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Điều hành:




Ông Phan Đình Khánh
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 13 tháng 8 năm 2022

Số tham chiếu: 61434403/22988048-SX

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan ("Công ty"), được lập ngày 13 tháng 8 năm 2022 và được trình bày từ trang 6 đến trang 53, bao gồm báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



EY

Building a better
working world

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động giữa niên độ, lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Saman Wijaya Bandara
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2036-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 13 tháng 8 năm 2022

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
ngày 30 tháng 6 năm 2022

B01a-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		785.670.236.433	835.351.852.229
110	I. Tài sản tài chính		783.540.652.073	834.362.751.648
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền		36.900.919.282	131.507.892.477
111.1	1.1 Tiền	5	36.900.919.282	131.507.892.477
112	2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL")	7.1	130.035.620.780	155.343.457.840
113	3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ("HTM")	7.2	90.000.000.000	-
114	4. Các khoản cho vay	7.3	520.628.549.136	527.953.540.104
117	5. Các khoản phải thu	8	1.733.206.735	15.431.388.300
117.1	5.1 Phải thu bán các tài sản tài chính	8	135.280.000	15.431.050.000
117.2	5.2 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		1.597.926.735	338.300
117.4	5.2.1 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		1.597.926.735	338.300
118	6. Trả trước cho người bán	8	2.702.522.400	2.698.440.000
119	7. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	8	2.056.187.772	1.776.672.479
129	8. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	8	(516.354.032)	(348.639.552)
130	II. Tài sản ngắn hạn khác		2.129.584.360	989.100.581
131	1. Tạm ứng		24.100.000	10.200.000
133	2. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	2.105.416.887	962.565.000
137	3. Tài sản ngắn hạn khác		67.473	16.335.581
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		26.948.406.974	20.018.515.118
220	I. Tài sản cố định		13.512.701.423	11.553.368.812
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	7.314.941.648	6.830.199.637
222	1.1 Nguyên giá		19.297.447.263	18.241.208.563
223a	1.2 Giá trị khấu hao lũy kế		(11.982.505.615)	(11.411.008.926)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	6.197.759.775	4.723.169.175
228	2.1 Nguyên giá		23.137.448.007	21.299.618.919
229a	2.2 Giá trị hao mòn lũy kế		(16.939.688.232)	(16.576.449.744)
240	II. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		2.078.000.000	128.000.000
250	III. Tài sản dài hạn khác		11.357.705.551	8.337.146.306
251	1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	12	1.533.105.880	1.533.105.880
252	2. Chi phí trả trước dài hạn	9	1.275.266.340	401.562.923
254	3. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	13	8.549.333.331	6.402.477.503
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		812.618.643.407	855.370.367.347

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2022

B01a-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		285.348.342.102	272.436.209.824
310	I. Nợ phải trả ngắn hạn		161.150.492.102	199.034.538.684
311	1. Vay ngắn hạn	19	119.873.000.000	119.370.017.326
312	1.1 Vay ngắn hạn		119.873.000.000	119.370.017.326
318	2. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	14	33.266.589.344	52.962.729.913
320	3. Phải trả người bán ngắn hạn	15	35.621.882	5.284.735.929
321	4. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		221.100.000	55.100.000
322	5. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	4.339.919.782	7.833.272.177
323	6. Phải trả người lao động		72.687.480	5.220.233.650
324	7. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		66.878.980	73.422.580
325	8. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	1.051.507.563	1.538.186.306
329	9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	17	2.028.509.514	6.502.163.246
331	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		194.677.557	194.677.557
340	II. Nợ phải trả dài hạn		124.197.850.000	73.401.671.140
341	1. Vay dài hạn	19	124.197.850.000	61.100.000.000
342	1.1 Vay dài hạn		124.197.850.000	61.100.000.000
356	2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	30.2	-	12.301.671.140
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		527.270.301.305	582.934.157.523
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	527.270.301.305	582.934.157.523
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	20.1	463.100.000.000	459.000.000.000
411.1	1.1 Vốn góp của chủ sở hữu		463.100.000.000	459.000.000.000
411.1a	1.1.1 Cổ phiếu phổ thông		463.100.000.000	459.000.000.000
414	2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		5.105.496.556	5.105.496.556
415	3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		5.105.496.556	5.105.496.556
417	4. Lợi nhuận chưa phân phối	20.2	53.959.308.193	113.723.164.411
417.1	4.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		91.217.291.421	64.516.479.848
417.2	4.2 (Lỗ)/lợi nhuận chưa thực hiện		(37.257.983.228)	49.206.684.563
440	TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		812.618.643.407	855.370.367.347

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2022

B01a-CTCK

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND
	A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN (CTCK) VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT			
004	1. Nợ khó đòi đã xử lý		4.972.865.605	4.972.865.605
005	2. Ngoại tệ các loại (nguyên tệ)			
	AUD		201,00	512.595,93
	USD		100	100
006	3. Cổ phiếu đang lưu hành (*)	20.1	46.310.000	45.900.000
008	4. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán ("VSD") của CTCK	21.1	89.241.550.000	57.292.940.000
	4.1 Tài sản tài chính giao dịch, tự do chuyển nhượng		89.115.550.000	48.962.940.000
	4.2 Tài sản tài chính chờ thanh toán		126.000.000	8.330.000.000
009	5. Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán và chưa giao dịch của CTCK	21.2	1.785.510.000	1.400.000.000
	5.1 Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán và chưa giao dịch, phong tỏa tạm giữ		1.785.510.000	1.400.000.000
010	6. Tài sản tài chính chờ về của CTCK	21.3	-	980.000.000
012	7. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK	21.4	560.000	560.000
013	8. Tài sản tài chính được hưởng quyền của CTCK		1.443.550.000	5.617.970.000

(*) Số dư tài khoản này thể hiện số lượng cổ phiếu

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2022

B01a-CTCK

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND
	B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG			
021	1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	21.5	5.355.295.460.000	5.412.669.450.000
021.1	a. Tài sản tài chính giao dịch, tự do chuyển nhượng		1.859.297.190.000	1.893.695.390.000
021.2	b. Tài sản tài chính giao dịch, hạn chế chuyển nhượng		6.942.900.000	813.690.000
021.3	c. Tài sản tài chính giao dịch, cầm cố		1.570.551.220.000	1.570.551.220.000
021.4	d. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ		1.874.152.150.000	1.874.152.150.000
021.5	e. Tài sản tài chính chờ thanh toán		44.352.000.000	73.457.000.000
022	2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	21.6	24.092.660.000	20.895.900.000
022.1	a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng		22.004.660.000	20.895.900.000
022.2	b. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng		2.088.000.000	-
023	3. Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	21.7	39.545.000.000	51.422.000.000
025	4. Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư	21.8	15.980.410.000	12.310.950.000

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2022

B01a-CTCK

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND
	B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG (tiếp theo)			
026	5. Tiền gửi của Nhà đầu tư	21.9	200.443.020.404	303.177.954.672
027	5.1 Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		93.670.531.390	79.497.554.455
028	5.2 Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư		106.758.452.774	223.677.417.292
030	5.3 Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán		14.036.240	2.982.925
031	6. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	21.10	200.428.984.164	303.174.971.747
031.1	6.1 Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		200.098.754.562	300.923.737.955
031.2	6.2 Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		330.229.602	2.251.233.792
035	7. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		14.036.240	2.982.925

Bà Tô Thị Ngọc Hà
Người lập

Bà Nguyễn Thị Đoàn Thủy
Kế toán Trưởng



Ông Trần Đình Khánh
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 13 tháng 8 năm 2022

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

B02a-CTCK


Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 VND
	I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG			
01	1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL")		36.677.366.757	83.603.396.048
01.1	1.1 Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	22.1	24.610.883.385	15.727.844.469
01.2	1.2 Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	22.2	11.522.818.138	67.391.948.883
01.3	1.3 Cổ tức phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	22.3	543.665.234	483.602.696
02	2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ("HTM")	22.3	1.436.657.535	272.739.726
03	3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	22.3	23.619.521.027	13.886.461.875
06	4. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	23	33.185.861.825	21.943.571.466
09	5. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	23	852.786.746	2.810.819.349
10	6. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	23	193.431.818	221.818.182
11	7. Thu nhập hoạt động khác	23	29.952.000	16.768.000
20	Cộng doanh thu hoạt động		95.995.577.708	122.755.574.646
	II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG			
21	1. Lỗ từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		(113.611.570.140)	(25.421.719.335)
21.1	1.1 Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	22.1	(3.252.948.814)	(803.737.928)
21.2	1.2 Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	22.2	(110.289.157.069)	(24.571.968.139)
21.3	1.3 Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL		(69.464.257)	(46.013.268)
24	2. Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	8	(167.714.480)	(77.656.620)
26	3. Chi phí hoạt động tự doanh	24	(642.216.745)	(606.210.912)
27	4. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	25	(23.622.549.436)	(12.509.956.884)
30	5. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	26	(945.162.514)	(1.186.307.479)
31	6. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	27	(224.004.960)	(617.679.293)
40	Cộng chi phí hoạt động		(139.213.218.275)	(40.419.530.523)
	III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
41	1. Chênh lệch tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện		7.491.803.997	-
42	2. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không cố định		210.153.947	186.857.913
50	Cộng doanh thu hoạt động tài chính	28	7.701.957.944	186.857.913

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

B02a-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 VND
	IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH			
51	1. Chênh lệch tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện		(5.446.745.777)	(773.198.379)
52	2. Chi phí lãi vay		(9.006.192.422)	(1.515.222.332)
60	Cộng chi phí tài chính		(14.452.938.199)	(2.288.420.711)
62	V. CHI PHÍ QUẢN LÝ	29	(15.262.848.555)	(14.801.466.542)
70	VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG		(65.231.469.377)	65.433.014.783
	VII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC			
71	1. Thu nhập khác		13.750.000	-
72	2. Chi phí khác		-	-
80	Cộng kết quả hoạt động khác		13.750.000	-
90	VIII. TỔNG (LỖ)/LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		(65.217.719.377)	65.433.014.783
91	1. Lợi nhuận đã thực hiện		33.548.619.554	22.613.034.039
92	2. (Lỗ)/lợi nhuận chưa thực hiện		(98.766.338.931)	42.819.980.744
100	IX. THU NHẬP/(CHI PHÍ) THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (TNDN)	30	5.453.863.159	(12.844.003.368)
100.1	1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	30.1	(6.847.807.981)	(4.280.007.219)
100.2	2. Thu nhập/(chi phí) thuế TNDN hoãn lại	30.2	12.301.671.140	(8.563.996.149)
200	X. (LỖ)/LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		(59.763.856.218)	52.589.011.415
400	TỔNG (LỖ)/THU NHẬP TOÀN DIỆN		(59.763.856.218)	52.589.011.415
500	XI. THU NHẬP/(LỖ) THUẬN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG			
501	1. (Lỗ)/lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/1 cổ phiếu)	31	(1.291)	1.547
502	2. (Lỗ)/thu nhập pha loãng trên cổ phiếu (VND/1 cổ phiếu)	31	(1.291)	1.547


Bà Tô Thị Ngọc Hà
Người lập


Bà Nguyễn Thị Đoàn Thùy
Kế toán Trưởng




Ông Trần Đình Khánh
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 13 tháng 8 năm 2022

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

B03a-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền đã chi mua các tài sản tài chính		(352.749.906.000)	(217.852.314.700)
02	2. Tiền đã thu từ bán các tài sản tài chính		220.660.378.700	214.804.106.175
03	3. Tiền chi nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán		(2.146.855.828)	(277.469.534)
04	4. Cổ tức đã nhận		382.734.334	524.977.761
05	5. Tiền lãi đã thu		-	-
06	6. Tiền chi trả lãi vay cho hoạt động của CTCK		(9.369.461.653)	(455.638.966)
07	7. Tiền chi trả Tổ chức cung cấp dịch vụ cho công ty chứng khoán		(49.362.349.989)	(19.455.701.941)
08	8. Tiền chi trả cho người lao động		(11.110.673.855)	(8.487.951.671)
09	9. Tiền chi nộp thuế liên quan đến hoạt động công ty chứng khoán	18	(28.354.766.130)	(48.257.753.795)
11	10. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		1.937.350.351.960	1.541.352.726.631
12	11. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.861.668.558.746)	(1.655.549.055.119)
20	Tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(156.369.107.207)	(193.654.075.159)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác		(4.844.067.788)	-
30	Tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(4.844.067.788)	-

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

B03a-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 VND
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	(*)	855.000.000	-
33	2. Tiền vay gốc		216.606.850.000	324.373.561.914
	2.1 Tiền vay khác	19	216.606.850.000	324.373.561.914
34	3. Tiền chi trả nợ gốc vay		(150.855.648.200)	(130.784.911.914)
	3.1 Tiền vay khác	19	(150.855.648.200)	(130.784.911.914)
40	Tiền thuần từ hoạt động tài chính		66.606.201.800	193.588.650.000
50	GIẢM TIỀN THUẦN TRONG KỲ		(94.606.973.195)	(65.425.159)
60	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	5	131.507.892.477	78.517.692.821
61	1. Tiền		131.507.892.477	78.517.692.821
62	2. Các khoản tương đương tiền		-	-
70	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	5	36.900.919.282	78.452.267.662
71	1. Tiền		36.900.919.282	78.452.267.662
72	2. Các khoản tương đương tiền		-	-

(*) Trong kỳ, Công ty đã phát hành 410.000 cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động với giá phát hành 10.000 đồng/cổ phiếu để tăng vốn điều lệ theo Nghị quyết số 02/2021/NQ.ĐHĐCĐ-FNS ngày 28 tháng 8 năm 2021 của Đại hội đồng Cổ đông của Công ty. Tổng số tiền mua cổ phiếu đã được nộp đầy đủ vào ngày kết thúc đợt phát hành vào ngày 7 tháng 1 năm 2022. Trong đó, số tiền đã thu từ phát hành cổ phiếu kỳ trước là 3.245.000.000 đồng.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

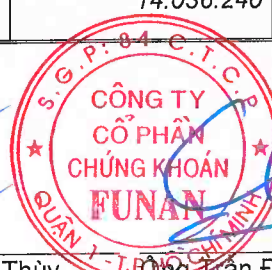
B03a-CTCK

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 VND
01	I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
02	1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		13.753.701.239.700	9.224.681.288.300
07	2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(13.333.525.034.400)	(6.705.364.497.300)
08	3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		-	-
09	4. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		(522.507.767.263)	(2.430.823.143.296)
12	5. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng		(414.407.235)	(2.044.660.829)
13	6. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán		23.874.833.549	20.366.937.404
20	7. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán		(23.863.798.619)	(20.368.447.579)
	20 (Giảm)/tăng tiền thuần trong kỳ		(102.734.934.268)	86.447.476.700
30	II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ của khách hàng	21.9	303.177.954.672	81.099.292.350
31	Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:		303.177.954.672	81.099.292.350
32	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		79.497.554.455	36.750.671.243
34	- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		223.677.417.292	44.343.538.607
35	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành		2.982.925	5.082.500
40	III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng	21.9	200.443.020.404	167.546.769.050
41	Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:		200.443.020.404	167.546.769.050
42	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		93.670.531.390	59.179.270.586
43	- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		106.758.452.774	108.363.926.139
45	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành		14.036.240	3.572.325

Bà Tô Thị Ngọc Hà
Người lập

Bà Nguyễn Thị Đoàn Thùy
Kế toán Trưởng



Ông Trần Đình Khánh
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

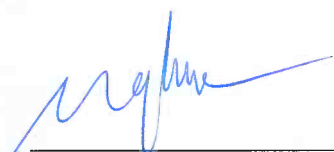
Ngày 13 tháng 8 năm 2022

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

B04a-CTCK

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số đầu kỳ		Số tăng/(giảm)				Số cuối kỳ	
		Ngày 1 tháng 1 năm 2021 VND	Ngày 1 tháng 1 năm 2022 VND	Kỳ trước		Kỳ này		Ngày 30 tháng 6 năm 2021 VND	Ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND
				Tăng VND	Giảm VND	Tăng VND	Giảm VND		
I. BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU									
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu									
1.1 Cổ phiếu phổ thông	20.1	340.000.000.000	459.000.000.000	-	-	4.100.000.000	-	340.000.000.000	463.100.000.000
		340.000.000.000	459.000.000.000	-	-	4.100.000.000	-	340.000.000.000	463.100.000.000
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	20.1	2.713.354.907	5.105.496.556	-	-			2.713.354.907	5.105.496.556
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	20.1	2.713.354.907	5.105.496.556	-	-			2.713.354.907	5.105.496.556
4. Lợi nhuận chưa phân phối	20.2	45.353.229.110	113.723.164.411	52.589.011.415	-	26.700.811.573	(86.464.667.791)	97.942.240.525	53.959.308.193
- Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		21.457.930.165	64.516.479.848	18.333.026.820	-	26.700.811.573	-	39.790.956.985	91.217.291.421
- Lợi nhuận chưa thực hiện		23.895.298.945	49.206.684.563	34.255.984.595	-	-	(86.464.667.791)	58.151.283.540	(37.257.983.228)
TỔNG CỘNG		390.779.938.924	582.934.157.523	52.589.011.415	-	30.800.811.573	(86.464.667.791)	443.368.950.339	527.270.301.305



Bà Tô Thị Ngọc Hà
Người lập



Bà Nguyễn Thị Đoàn Thùy
Kế toán Trưởng



Ông Trần Đình Khánh
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 13 tháng 8 năm 2022

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan ("Công ty") được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo giấy phép thành lập và hoạt động số 87/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 27 tháng 6 năm 2008 và các giấy phép điều chỉnh.

Hoạt động chính trong kỳ của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, lưu ký chứng khoán, cung cấp dịch vụ tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán và giao dịch ký quỹ chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại Tầng 7 Vincom Center, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh và ba (3) chi nhánh vào ngày lập báo cáo này như sau:

- ▶ Chi nhánh Hà Nội: Tầng 10, Tòa nhà HAREC, số 4A Láng Hạ, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.
- ▶ Chi nhánh Sài Gòn: Tầng 3, số 353 - 353 Bis - 355 An Dương Vương, Phường 3, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.
- ▶ Chi nhánh Đà Nẵng: Số 90, 92 Hồ Xuân Hương, Phường Khuê Mỹ, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 là 64 người (Ngày 31 tháng 12 năm 2021: 68 người).

Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty

Quy mô vốn

Theo báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ, tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, tổng vốn điều lệ của Công ty là 463.100.000.000 VND, vốn chủ sở hữu là 527.270.301.305 VND và tổng tài sản là 812.618.643.407 VND.

Mục tiêu đầu tư

Công ty hoạt động với mục tiêu là đóng góp cho sự phát triển của thị trường chứng khoán, đem lại lợi ích cho khách hàng, các nhà đầu tư và cổ đông của Công ty.

Hạn chế đầu tư

Công ty tuân thủ quy định tại Điều 28, Thông tư số 121/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định về hoạt động của công ty chứng khoán và các quy định hiện hành về hạn chế đầu tư. Một số khoản mục hạn chế đầu tư theo các quy định hiện hành như sau:

- ▶ Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán.
- ▶ Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán.
- ▶ Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá 70% vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được phép mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về giao dịch mua bán lại trái phiếu.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty (tiếp theo)

Hạn chế đầu tư (tiếp theo)

- ▶ Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác thực hiện các nghiệp vụ sau: Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng; Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác; Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết; Đầu tư quá 15% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở; Đầu tư hoặc góp vốn quá 10% trên tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh; Đầu tư hoặc góp vốn quá 15% vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh; Đầu tư quá 70% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá 20% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 **Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("đồng" hay "VND") phù hợp với Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

2.2 **Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 **Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 **Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Công ty thực hiện lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 để nộp cho các cơ quan chức năng theo yêu cầu của Thông tư số 96/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2020.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.5 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

3. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Ban Điều hành Công ty cam kết đã lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Theo đó, báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động giữa niên độ, lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021, trừ các thay đổi sau:

Thông tư số 114/2021/TT-BTC bãi bỏ Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ ("Thông tư 114").

Ngày 17 tháng 12 năm 2021, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 114 với các thay đổi chủ yếu như sau:

- ▶ Quy định việc xác định trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi sẽ được công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài được cấp giấy phép thành lập và hoạt động tại Việt Nam thực hiện theo quy định tại Thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có);
- ▶ Đối với số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được trích lập theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC: sử dụng để bổ sung vốn điều lệ theo quy định hiện hành;
- ▶ Đối với số dư quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ được trích lập theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC: sử dụng để bổ sung vốn điều lệ hoặc sử dụng theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty theo quy định hiện hành.

Thông tư 114 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 2 năm 2022.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng của công ty chứng khoán có kỳ hạn không quá ba (3) tháng kể từ ngày gửi, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ.

4.3 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Các tài sản tài chính FVTPL là tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - ▶ Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
 - ▶ Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - ▶ Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:
 - ▶ Việc phân loại vào tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau;
 - ▶ Tài sản tài chính thuộc một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị đồng thời phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của Công ty.

Các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản không bao gồm chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này) và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý.

Khoản chênh lệch tăng do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với kỳ trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ trên khoản mục "*Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL*". Khoản chênh lệch giảm do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với kỳ trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ trên khoản mục "*Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL*".

Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ ngay khi phát sinh.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.4 Tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Các tài sản tài chính HTM là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;
- Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá mua cộng (+) các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này như phí môi giới, phí giao dịch, phí đại lý phát hành và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính HTM được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản đầu tư HTM được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi (-) các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Phương pháp lãi suất thực là một phương pháp tính toán chi phí phân bổ về thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ liên quan của một tài sản tài chính hoặc một nhóm các khoản đầu tư HTM.

Lãi suất thực là lãi suất chiết khấu chính xác các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc trong kỳ hạn ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại ròng của tài sản hoặc nợ tài chính.

Các khoản đầu tư HTM được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ. Dự phòng được trích lập cho các khoản đầu tư HTM khi có bằng chứng khách quan cho thấy có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được của khoản đầu tư xuất phát từ một hoặc nhiều sự kiện tổn thất xảy ra ảnh hưởng xấu lên luồng tiền tương lai dự kiến của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm giá trị thị trường/giá trị hợp lý (nếu có) của khoản nợ bị suy giảm, các dấu hiệu về bên nợ hoặc nhóm các bên nợ đang gặp khó khăn về tài chính đáng kể, vỡ nợ hoặc trả nợ không đúng kỳ hạn các khoản lãi hoặc gốc, khả năng bên nợ bị phá sản hoặc có sự tái cơ cấu tài chính và các dữ liệu có thể quan sát cho thấy rằng có sự suy giảm có thể lượng hóa được các luồng tiền dự kiến trong tương lai, chẳng hạn như sự thay đổi về điều kiện trả nợ, tình hình tài chính gắn liền với khả năng vỡ nợ. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị hoặc số dư dự phòng được trích lập được xác định trên sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ trên khoản mục "*Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay*".

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.5 Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo, ngoại trừ:

- Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;
- Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ (-) đi các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ. Dự phòng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản cho vay và số dư của khoản cho vay đó. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ trên khoản mục "*Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay*".

4.6 Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính

Giá trị thị trường/hợp lý của chứng khoán được xác định theo các cơ sở sau:

- ▶ Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.
- ▶ Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.
- ▶ Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính gần nhất.
- ▶ Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba (03) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá giá trị chứng khoán.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá giá trị hợp lý dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày đánh giá giá trị chứng khoán.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.7 *Ngừng ghi nhận tài sản tài chính*

Tài sản tài chính (hoặc một phần của một nhóm tài sản tài chính tương tự) được ngừng ghi nhận khi:

- ▶ Công ty không còn quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính; hoặc
- ▶ Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản tài chính hoặc đồng thời phát sinh nghĩa vụ thanh toán gần như lập tức toàn bộ số tiền thu được cho bên thứ ba thông qua hợp đồng chuyển giao; và:
 - Công ty chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với tài sản, hoặc
 - Công ty không chuyển giao hay giữ lại toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn với tài sản đó nhưng đã chuyển giao quyền kiểm soát tài sản.

Khi Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó, Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại.

Việc tiếp tục tham gia mà có hình thức bảo lãnh các tài sản chuyển nhượng sẽ được ghi nhận theo giá trị nhỏ hơn giữa giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản và số tiền tối đa mà Công ty được yêu cầu phải thanh toán.

4.8 *Phân loại lại tài sản tài chính*

Phân loại lại khi bán tài sản tài chính không thuộc nhóm FVTPL

Công ty chứng khoán khi bán các tài sản tài chính không thuộc loại tài sản tài chính FVTPL phải thực hiện phân loại lại các tài sản tài chính từ các loại tài sản khác có liên quan về tài sản tài chính FVTPL. Các chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính AFS hiện đang theo dõi trên khoản mục "*Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý*" sẽ được ghi nhận vào tài khoản doanh thu hoặc chi phí tương ứng tại ngày phân loại lại các tài sản tài chính AFS khi bán.

Phân loại lại do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ

Công ty chứng khoán được phân loại lại các tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính khác phù hợp do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, theo đó:

Tài sản tài chính FVTPL phi phái sinh và không bị yêu cầu phân loại vào nhóm tài sản tài chính FVTPL vào lúc ghi nhận ban đầu có thể được phân loại lại vào nhóm cho vay và phải thu trong một số trường hợp đặc biệt hoặc vào nhóm tiền và tương đương tiền nếu thỏa mãn các điều kiện được phân loại vào nhóm này. Các khoản lãi, lỗ đã ghi nhận do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL trước thời điểm phân loại lại sẽ không được hoàn nhập.

Nếu do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, việc phân loại một khoản đầu tư vào nhóm nắm giữ đến khi đáo hạn không còn phù hợp thì khoản đầu tư đó phải được chuyển sang nhóm tài sản tài chính AFS và phải định giá lại theo giá trị hợp lý. Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận vào Khoản mục "*Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý*" thuộc Vốn chủ sở hữu.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.9 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án đang mắc bệnh hiểm nghèo (có xác nhận của bệnh viện) hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được doanh nghiệp khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay" trong năm.

Mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 8 tháng 8 năm 2019 như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

4.10 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ.

4.11 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.12 *Khấu hao và hao mòn*

Khấu hao và hao mòn tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	3 năm
Phương tiện vận tải	6 - 7 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 8 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	3 năm
Phần mềm tin học	3 -15 năm
Quyền sử dụng đất vô thời hạn	không khấu hao
Tài sản cố định vô hình khác	3 năm

4.13 *Thuê tài sản*

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời hạn của hợp đồng thuê.

4.14 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

4.15 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn để phân bổ dần từ một (1) đến ba (3) năm vào báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ:

- ▶ Chi phí thuê văn phòng;
- ▶ Chi phí vật dụng văn phòng; và
- ▶ Chi phí trả trước khác.

4.16 *Các khoản phải trả và chi phí trích trước*

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.17 Lợi ích của nhân viên

4.17.1 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Công ty sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17,5 % lương cơ bản, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác hàng tháng. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác.

4.17.2 Bảo hiểm thất nghiệp

Theo quy định hiện hành, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

4.18 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại như sau:

- ▶ Các khoản mục tài sản được đánh giá lại sử dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.
- ▶ Các khoản mục nợ phải trả được đánh giá lại sử dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ.

4.19 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán và cung cấp dịch vụ khác

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Thu nhập lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.19 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu nắm giữ mà không được ghi nhận là doanh thu.

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm: các khoản thu về thanh lý tài sản cố định ("TSCĐ"), nhượng bán TSCĐ; thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng; thu tiền bảo hiểm được bồi thường; thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí kỳ trước; khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập; thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại; và các khoản thu khác được ghi nhận là thu nhập khác theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - Doanh thu và thu nhập khác.

4.20 Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền vào cuối ngày giao dịch để tính giá vốn chứng khoán tự doanh.

4.21 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho/hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.21 *Thuế thu nhập doanh nghiệp* (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại tại ngày kết thúc năm tài chính và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động năm tài chính ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

4.22 *Vốn chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp từ phát hành cổ phiếu được ghi vào tài khoản vốn điều lệ theo mệnh giá.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và chưa thực hiện.

Lợi nhuận chưa thực hiện của kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ hoặc tài sản tài chính khác tính vào báo cáo lãi/lỗ của báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty chứng khoán.

Lợi nhuận đã thực hiện của kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ của Công ty ngoài các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại tài sản tài chính đã được ghi nhận vào lợi nhuận chưa thực hiện.

4.23 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư sau khi được phê duyệt tại Cuộc họp thường niên toàn Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.24 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4.25 Các khoản mục không có số dư

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ này theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số dư.

5. TIỀN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Công ty		
- Bằng VND	36.895.439.326	123.144.672.263
- Bằng AUD	3.166.956	8.360.952.214
- Bằng USD	2.313.000	2.268.000
	36.900.919.282	131.507.892.477

6. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG KỲ

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ (Đơn vị)	Giá trị giao dịch thực hiện trong kỳ (VND)
a. Của Công ty	13.675.033	462.829.784.700
- Cổ phiếu	13.675.033	462.829.784.700
b. Của nhà đầu tư	555.387.342	26.754.631.384.100
- Cổ phiếu	553.822.542	26.751.635.807.100
- Chứng quyền	1.490.600	1.124.661.000
- Chứng chỉ quỹ	74.200	1.870.916.000
	569.062.375	27.217.461.168.800

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

7.1 Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL")

	Ngày 30 tháng 6 năm 2022		Ngày 31 tháng 12 năm 2021	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu niêm yết	136.825.891.875	91.269.820.870	69.793.713.292	84.374.126.440
HPG	23.454.260.488	13.799.641.400	17.359.595.488	15.776.649.600
TCB	20.024.511.667	14.220.000.000	-	-
OCB	16.383.219.077	19.069.663.200	10.704.266.632	26.756.702.700
ROS	16.091.715.575	3.744.178.560	3.850.351.437	4.080.843.200
FLC	10.243.824.827	4.600.419.750	681.589	1.314.000
DGW	6.263.500.000	4.640.000.000	-	-
TPB	5.726.651.037	3.801.733.050	628.425	1.108.350
PVD	4.973.388.295	2.788.966.000	113.295	266.850
DGC	4.298.176.954	4.493.521.500	3.227.040	5.756.400
HUT	3.896.875.249	2.370.700.000	204.120	582.400
Khác	25.469.768.706	17.740.997.410	37.874.645.266	37.750.902.940
Cổ phiếu chưa niêm yết	29.067.712.133	37.365.799.910	22.641.388.845	69.569.331.400
ABB	27.828.921.550	36.608.780.000	21.398.600.130	68.542.386.000
SIP	1.234.630.000	752.031.000	1.234.630.000	1.014.300.000
Khác	4.160.583	4.988.910	8.158.715	12.645.400
Trái phiếu chưa niêm yết	1.400.000.000	1.400.000.000	1.400.000.000	1.400.000.000
CII-42013	1.400.000.000	1.400.000.000	1.400.000.000	1.400.000.000
	167.293.604.008	130.035.620.780	93.835.102.137	155.343.457.840

7.2 Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ("HTM")

	Ngày 30 tháng 6 năm 2022		Ngày 31 tháng 12 năm 2021	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Tiền gửi có kỳ hạn	90.000.000.000	90.000.000.000	-	-

Đây là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại các ngân hàng TMCP bằng VND với lãi suất từ 4,20%/năm đến 5,20%/năm. Trong đó, khoản tiền gửi với giá trị 20 tỷ VND đang được dùng để đảm bảo hạn mức thấu chi tại cùng ngân hàng.

7.3 Các khoản cho vay

	Ngày 30 tháng 6 năm 2022		Ngày 31 tháng 12 năm 2021	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cho vay hoạt động ký quỹ	483.182.755.064	483.182.755.064	343.578.576.026	343.578.576.026
Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán	37.445.794.072	37.445.794.072	184.374.964.078	184.374.964.078
	520.628.549.136	520.628.549.136	527.953.540.104	527.953.540.104

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

7.4 Tình hình biến động giá trị thị trường của các tài sản tài chính

Các loại tài sản tài chính	Ngày 30 tháng 6 năm 2022				Ngày 31 tháng 12 năm 2021			
	Chênh lệch đánh giá			Giá trị hợp lý VND	Chênh lệch đánh giá			Giá trị hợp lý VND
	Giá mua VND	Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND		Giá mua VND	Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND	
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)								
1. Cổ phiếu niêm yết								
HPG	23.454.260.488	-	(9.654.619.088)	13.799.641.400	17.359.595.488	-	(1.582.945.888)	15.776.649.600
TCB	20.024.511.667	-	(5.804.511.667)	14.220.000.000	-	-	-	-
OCB	16.383.219.077	2.686.444.123	-	19.069.663.200	10.704.266.632	16.052.436.068	-	26.756.702.700
ROS	16.091.715.575	-	(12.347.537.015)	3.744.178.560	3.850.351.437	230.491.763	-	4.080.843.200
FLC	10.243.824.827	-	(5.643.405.077)	4.600.419.750	681.589	632.411	-	1.314.000
DGW	6.263.500.000	-	(1.623.500.000)	4.640.000.000	-	-	-	-
TPB	5.726.651.037	-	(1.924.917.987)	3.801.733.050	628.425	479.925	-	1.108.350
PVD	4.973.388.295	-	(2.184.422.295)	2.788.966.000	113.295	153.555	-	266.850
DGC	4.298.176.954	195.344.546	-	4.493.521.500	3.227.040	2.529.360	-	5.756.400
HUT	3.896.875.249	-	(1.526.175.249)	2.370.700.000	204.120	378.280	-	582.400
Khác	25.469.768.706	19.813.402	(7.748.584.698)	17.740.997.410	37.874.645.266	1.404.925.394	(1.528.667.720)	37.750.902.940
	136.825.891.875	2.901.602.071	(48.457.673.076)	91.269.820.870	69.793.713.292	17.692.026.756	(3.111.613.608)	84.374.126.440
2. Cổ phiếu chưa niêm yết								
ABB	27.828.921.550	8.779.858.450	-	36.608.780.000	21.398.600.130	47.143.785.870	-	68.542.386.000
SIP	1.234.630.000	-	(482.599.000)	752.031.000	1.234.630.000	-	(220.330.000)	1.014.300.000
Khác	4.160.583	1.533.921	(705.594)	4.988.910	8.158.715	4.506.485	(19.800)	12.645.400
	29.067.712.133	8.781.392.371	(483.304.594)	37.365.799.910	22.641.388.845	47.148.292.355	(220.349.800)	69.569.331.400
3. Trái phiếu chưa niêm yết								
CII-42013	1.400.000.000	-	-	1.400.000.000	1.400.000.000	-	-	1.400.000.000
	167.293.604.008	11.682.994.442	(48.940.977.670)	130.035.620.780	93.835.102.137	64.840.319.111	(3.331.963.408)	155.343.457.840

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

7.5 Tình hình lập dự phòng giảm giá các tài sản chính

Chi tiết các tài sản tài chính hoạch toán theo phương pháp giá gốc và dự phòng giảm giá tài sản tài chính như sau:

STT	Loại TSTC	Cơ sở lập dự phòng		Giá trị dự phòng 30/6/2022 VND	Giá trị dự phòng 31/12/2021 VND	Mức trích lập dự phòng kỳ này VND
		Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND			
I	HTM	90.000.000.000	90.000.000.000	-	-	-
	Tiền gửi có kỳ hạn	90.000.000.000	90.000.000.000	-	-	-
II	Cho vay	520.628.549.136	520.628.549.136	-	-	-
	Cho vay ký quỹ	483.182.755.064	483.182.755.064	-	-	-
	Ứng trước	37.445.794.072	37.445.794.072	-	-	-
		610.628.549.136	610.628.549.136	-	-	-

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	Ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND
Phải thu bán các tài sản tài chính	135.280.000	15.431.050.000
Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	1.597.926.735	338.300
- <i>Dự thu lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn</i>	1.359.657.535	-
- <i>Dự thu cổ tức</i>	238.269.200	338.300
Trả trước cho người bán	2.702.522.400	2.698.440.000
Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	2.056.187.772	1.776.672.479
- <i>Phải thu phí lưu ký</i>	1.867.176.276	1.437.142.560
- <i>Phải thu phí môi giới</i>	189.011.496	339.529.919
Dự phòng cho các khoản phải thu khác	(516.354.032)	(348.639.552)
	<u>5.975.562.875</u>	<u>19.557.861.227</u>

Chi tiết dự phòng suy giảm giá trị khoản phải thu trong kỳ này như sau:

	Giá trị phải thu khó đòi 31/12/2021 VND	Số dự phòng 31/12/2021 VND	Số trích lập trong kỳ VND	Số dự phòng 30/6/2022 VND	Giá trị phải thu khó đòi 30/6/2022 VND
Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp					
- <i>Phải thu phí lưu ký</i>	935.321.615	348.639.552	167.714.480	516.354.032	1.342.184.962

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND
Chi phí trả trước ngắn hạn	2.105.416.887	962.565.000
- <i>Chi phí phần mềm</i>	1.210.323.471	-
- <i>Tiền thuê văn phòng</i>	179.788.600	177.941.800
- <i>Chi phí công cụ, dụng cụ</i>	16.819.017	10.191.666
- <i>Các dịch vụ khác</i>	698.485.799	774.431.534
Chi phí trả trước dài hạn	1.275.266.340	401.562.923
- <i>Bản quyền phần mềm</i>	536.365.278	-
- <i>Bộ nhớ, ram, ổ cứng</i>	368.399.997	110.208.333
- <i>Công cụ, dụng cụ</i>	178.577.080	160.110.262
- <i>Thuế đường truyền</i>	2.880.000	6.336.000
- <i>Các dịch vụ khác</i>	189.043.985	124.908.328
	<u>3.380.683.227</u>	<u>1.364.127.923</u>

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc VND</i>	<i>Máy móc thiết bị VND</i>	<i>Phương tiện vận tải VND</i>	<i>Tài sản hữu hình khác VND</i>	<i>Tổng cộng VND</i>
Nguyên giá					
Ngày 1 tháng 1 năm 2022	427.484.000	13.964.766.163	3.734.400.000	114.558.400	18.241.208.563
Tăng trong kỳ	-	1.056.238.700	-	-	1.056.238.700
Ngày 30 tháng 6 năm 2022	427.484.000	15.021.004.863	3.734.400.000	114.558.400	19.297.447.263
Khấu hao lũy kế					
Ngày 1 tháng 1 năm 2022	427.484.000	7.745.263.467	3.123.703.059	114.558.400	11.411.008.926
Khấu hao trong kỳ	-	450.223.955	121.272.734	-	571.496.689
Ngày 30 tháng 6 năm 2022	427.484.000	8.195.487.422	3.244.975.793	114.558.400	11.982.505.615
Giá trị còn lại					
Ngày 1 tháng 1 năm 2022	-	6.219.502.696	610.696.941	-	6.830.199.637
Ngày 30 tháng 6 năm 2022	-	6.825.517.441	489.424.207	-	7.314.941.648

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 8.442.024.202 đồng (Ngày 31 tháng 12 năm 2021: 8.442.024.202 đồng).

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Phần mềm</i> VND	<i>Tài sản</i> <i>vô hình khác</i> VND	<i>Tổng cộng</i> VND
Nguyên giá			
Ngày 1 tháng 1 năm 2022	21.077.961.495	221.657.424	21.299.618.919
Tăng trong kỳ	1.837.829.088	-	1.837.829.088
Ngày 30 tháng 6 năm 2022	<u>22.915.790.583</u>	<u>221.657.424</u>	<u>23.137.448.007</u>
Hao mòn lũy kế			
Ngày 1 tháng 1 năm 2022	16.354.792.320	221.657.424	16.576.449.744
Hao mòn trong kỳ	363.238.488	-	363.238.488
Ngày 30 tháng 6 năm 2022	<u>16.718.030.808</u>	<u>221.657.424</u>	<u>16.939.688.232</u>
Giá trị còn lại			
Ngày 1 tháng 1 năm 2022	4.723.169.175	-	4.723.169.175
Ngày 30 tháng 6 năm 2022	<u>6.197.759.775</u>	<u>-</u>	<u>6.197.759.775</u>

Nguyên giá tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 đã hao mòn hết nhưng vẫn còn sử dụng là 13.048.006.018 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 13.048.006.018 đồng).

12. CẦM CỐ, THẾ CHẤP, KÝ QUỸ, KÝ CƯỢC DÀI HẠN

	<i>Ngày 30 tháng 6</i> <i>năm 2022</i> VND	<i>Ngày 31 tháng 12</i> <i>năm 2021</i> VND
Đặt cọc thuê văn phòng	1.513.105.880	1.513.105.880
Ký cược, ký quỹ cho các hoạt động khác	20.000.000	20.000.000
	<u>1.533.105.880</u>	<u>1.533.105.880</u>

13. TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

Theo Quyết định số 27/QĐ-VSD ngày 13 tháng 3 năm 2015 về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ Hỗ trợ thanh toán của Tổng Giám đốc Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu đồng tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và hàng năm phải đóng bổ sung 0,01% tổng giá trị chứng khoán môi giới của kỳ trước nhưng không quá 2,5 tỷ VND/năm.

Biến động tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán trong kỳ như sau:

	<i>Ngày 30 tháng 6</i> <i>năm 2022</i> VND	<i>Ngày 31 tháng 12</i> <i>năm 2021</i> VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	5.983.879.601	3.837.023.773
Tiền lãi phân bổ	2.445.453.730	2.445.453.730
	<u>8.549.333.331</u>	<u>6.402.477.503</u>

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

14. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND
Phải trả Trung tâm Lưu ký Chứng khoán	32.522.298.213	50.798.388.798
Phải trả cho Sở Giao dịch Chứng khoán	744.291.131	1.728.323.115
Phải trả khác	-	436.018.000
	33.266.589.344	52.962.729.913

Bao gồm trong các khoản phải trả Trung tâm Lưu ký Chứng khoán là các khoản phải trả tiền mua chứng khoán của các giao dịch phát sinh trong ngày cuối tháng mà Công ty đã tài trợ cho khách hàng thông qua các khoản cho vay ký quỹ.

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND
Phải trả mua các tài sản tài chính	-	5.284.730.000
Phải trả khác	35.621.882	5.929
	35.621.882	5.284.735.929

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Chi phí phải trả ngắn hạn là các khoản dự chi lãi vay phải trả cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	Ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND
Phải trả chi phí hoa hồng đại lý	1.986.553.456	3.220.091.878
Phải trả cổ đông nộp tiền tăng vốn	-	3.247.680.000
Phải trả khác	41.956.058	34.391.368
	2.028.509.514	6.502.163.246

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

Chỉ tiêu	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	Ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.867.801.995	6.847.807.981	(8.014.254.233)	2.701.355.743
Thuế giá trị gia tăng	5.530.725	23.912.357	(27.069.406)	2.373.676
Thuế thu nhập cá nhân	3.959.939.457	17.774.598.226	(20.098.347.320)	1.636.190.363
- Thuế TNCN của nhân viên	433.968.271	2.643.705.793	(2.841.175.608)	236.498.456
- Thuế TNCN của nhà đầu tư từ chuyển nhượng vốn, đầu tư vốn	129.177.088	1.875.405.992	(1.935.368.299)	69.214.781
- Thuế TNCN của nhà đầu tư từ chuyển nhượng chứng khoán	3.396.794.098	13.255.486.441	(15.321.803.413)	1.330.477.126
Thuế khác	-	215.095.171	(215.095.171)	-
	7.833.272.177	24.861.413.735	(28.354.766.130)	4.339.919.782

19. VAY

	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND	Số vay trong kỳ VND	Số đã trả trong kỳ VND	Chênh lệch tỷ giá VND	Ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND
Vay ngắn hạn	119.370.017.326	91.709.000.000	(89.055.648.200)	(2.150.369.126)	119.873.000.000
- Cá nhân	70.173.767.326	25.053.000.000	(59.836.744.878)	(337.022.448)	35.053.000.000
- Tổ chức kinh tế	49.196.250.000	66.656.000.000	(29.218.903.322)	(1.813.346.678)	84.820.000.000
Vay dài hạn	61.100.000.000	124.897.850.000	(61.800.000.000)	-	124.197.850.000
- Cá nhân	61.100.000.000	124.897.850.000	(61.800.000.000)	-	124.197.850.000
	180.470.017.326	216.606.850.000	(150.855.648.200)	(2.150.369.126)	244.070.850.000

Các khoản vay của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 bao gồm các khoản vay ngắn hạn có kỳ hạn từ 3 tháng đến 12 tháng, lãi suất từ 5,00%/năm đến 6,96%/năm (Ngày 31 tháng 12 năm 2021: 4,00%/năm - 8,00%/năm) và các khoản vay dài hạn có kỳ hạn 2 năm, lãi suất 3,00%/năm đến 6,50%/năm (Ngày 31 tháng 12 năm 2021: 4,00%/năm - 7,50%/năm).

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

20. VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

20.1 *Vốn góp của chủ sở hữu*

	<i>Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND</i>	<i>Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ VND</i>	<i>Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ VND</i>	<i>Lợi nhuận chưa phân phối VND</i>	<i>Tổng cộng VND</i>
Ngày 1 tháng 1 năm 2022	459.000.000.000	5.105.496.556	5.105.496.556	113.723.164.411	582.934.157.523
Tăng góp vốn trong kỳ (*)	4.100.000.000	-	-	-	4.100.000.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	(59.763.856.218)	(59.763.856.218)
Ngày 30 tháng 6 năm 2022	463.100.000.000	5.105.496.556	5.105.496.556	53.959.308.193	527.270.301.305

(*) Công ty đã phát hành 410.000 cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động với giá phát hành 10.000 đồng/cổ phiếu để tăng vốn điều lệ theo Nghị quyết số 02/2021/NQ.ĐHĐCĐ-FNS ngày 28 tháng 8 năm 2021 của Đại hội đồng Cổ đông của Công ty. Tổng số tiền mua cổ phiếu đã được nộp đầy đủ vào ngày kết thúc đợt phát hành vào ngày 7 tháng 1 năm 2022.

Chi tiết vốn điều lệ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 như sau:

	<i>Số lượng cổ phần Đơn vị</i>	<i>Giá trị VND</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu %</i>
Sunvie Investment PTE Ltd.	16.660.000	166.600.000.000	35,97
Hoàng Thị Thùy	3.200.000	32.000.000.000	6,91
Khác	26.450.000	264.500.000.000	57,12
	46.310.000	463.100.000.000	100,00

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

20. VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

20.1 *Vốn góp của chủ sở hữu* (tiếp theo)

Chi tiết số lượng cổ phần của Công ty như sau:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2022 Đơn vị	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 Đơn vị
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	46.310.000	45.900.000
<i>Cổ phiếu thường</i>	46.310.000	45.900.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và thanh toán	46.310.000	45.900.000
<i>Cổ phiếu thường</i>	46.310.000	45.900.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	46.310.000	45.900.000
<i>Cổ phiếu thường</i>	46.310.000	45.900.000

20.2 *Lợi nhuận chưa phân phối*

	Ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND
Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	91.217.291.421	64.516.479.848
(Lỗ)/Lợi nhuận chưa thực hiện	(37.257.983.228)	49.206.684.563
	53.959.308.193	113.723.164.411

21. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

21.1 *Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán ("VSD") của CTCK*

	Ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND
Tài sản tài chính giao dịch, tự do chuyển nhượng	89.115.550.000	48.962.940.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	126.000.000	8.330.000.000
	89.241.550.000	57.292.940.000

21.2 *Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của CTCK*

	Ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng của CTCK	1.785.510.000	1.400.000.000

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

21. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

21.3 Tài sản tài chính chờ về của CTCK

	Ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND
Tài sản tài chính chờ về	-	980.000.000

21.4 Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK

	Ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND
Tài sản tài chính chưa lưu ký	560.000	560.000

21.5 Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư

	Ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND
Tài sản tài chính giao dịch, tự do chuyển nhượng	1.859.297.190.000	1.893.695.390.000
Tài sản tài chính giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	6.942.900.000	813.690.000
Tài sản tài chính giao dịch, cầm cố	1.570.551.220.000	1.570.551.220.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	1.874.152.150.000	1.874.152.150.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	44.352.000.000	73.457.000.000
	5.355.295.460.000	5.412.669.450.000

21.6 Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư

	Ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	22.004.660.000	20.895.900.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	2.088.000.000	-
	24.092.660.000	20.895.900.000

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

21. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

21.7 Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư

	Ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND
Tài sản tài chính chờ về	39.545.000.000	51.422.000.000

21.8 Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư

	Ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND
Tài sản tài chính được hưởng quyền	15.980.410.000	12.310.950.000

21.9 Tiền gửi của Nhà đầu tư

	Ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	93.670.531.390	79.497.554.455
- Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	93.670.531.390	79.497.554.455
Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	106.758.452.774	223.677.417.292
- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước	103.431.888.428	173.200.928.275
- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài	3.326.564.346	50.476.489.017
Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	14.036.240	2.982.925
	200.443.020.404	303.177.954.672

21.10 Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý

	Ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND
Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	200.098.754.562	300.923.737.955
- Nhà đầu tư trong nước	330.229.602	2.251.233.792
- Nhà đầu tư nước ngoài	200.428.984.164	303.174.971.747

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

22. LÃI/(LỖ) CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

22.1 Lãi/(lỗ) bán các tài sản tài chính FVTPL

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán Cổ phiếu	Giá bán VND	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND	Lãi/(lỗ) bán chứng khoán kỳ này VND
1	Cổ phiếu niêm yết	3.911.641		175.819.175.600	170.819.454.845	4.999.720.755
	MWG	122.200	148.586	18.157.270.000	16.726.065.446	1.431.204.554
	OCB	105.000	26.258	2.757.125.000	1.446.767.555	1.310.357.445
	STB	225.000	32.298	7.266.980.000	6.354.301.784	912.678.216
	ANV	180.000	39.462	7.103.090.000	6.445.575.000	657.515.000
	VIB	279.000	47.034	13.122.375.000	12.591.477.899	530.897.101
	ROS	300.000	14.050	4.215.000.000	3.849.555.862	365.444.138
	HUT	75.500	42.946	3.242.400.000	2.931.248.871	311.151.129
	HT1	180.200	25.566	4.606.960.000	4.440.510.000	166.450.000
	MBB	406.500	33.091	13.451.625.000	13.288.943.673	162.681.327
	VPB	165.900	38.403	6.371.070.000	6.212.565.576	158.504.424
	Cổ phiếu khác	1.872.341	51.019	95.525.280.600	96.532.443.179	(1.007.162.579)
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	1.763.964		29.545.433.100	13.187.219.284	16.358.213.816
	ABB	1.713.700	16.561	28.380.610.000	11.985.378.580	16.395.231.420
	Cổ phiếu khác	50.264	23.174	1.164.823.100	1.201.840.704	(37.017.604)
				205.364.608.700	184.006.674.129	21.357.934.571
	Trong đó:					
	- Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL					24.610.883.385
	- Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL					(3.252.948.814)

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

22. LÃI/(LỖ) CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

22.2 Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL

STT	Danh mục các loại tài sản tài chính	Giá mua VND	Giá trị hợp lý VND	Chênh lệch đánh giá lại tại 30/06/2022 VND	Chênh lệch đánh giá lại tại 31/12/2021 VND	Chênh lệch điều chỉnh sổ kế toán kỳ này VND
1	Cổ phiếu niêm yết	136.825.891.875	91.269.820.870	(45.556.071.005)	14.580.413.148	(60.136.484.153)
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	29.067.712.133	37.365.799.910	8.298.087.777	46.927.942.555	(38.629.854.778)
3	Trái phiếu chưa niêm yết	1.400.000.000	1.400.000.000	-	-	-
		167.293.604.008	130.035.620.780	(37.257.983.228)	61.508.355.703	(98.766.338.931)

Trong đó:

- Chênh lệch tăng đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL 11.522.818.138
- Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL (110.289.157.069)

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

22. LÃI/(LỖ) CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

22.3 Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL, HTM, các khoản cho vay và phải thu

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 VND
Cổ tức từ tài sản tài chính FVTPL	543.665.234	483.602.696
Lãi từ tài sản tài chính HTM	1.436.657.535	272.739.726
Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	23.619.521.027	13.886.461.875
	25.599.843.796	14.642.804.297

23. DOANH THU NGOÀI THU NHẬP TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 VND
Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	33.185.861.825	21.943.571.466
Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	852.786.746	2.810.819.349
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	193.431.818	221.818.182
Thu nhập hoạt động khác	29.952.000	16.768.000
	34.262.032.389	24.992.976.997

24. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TỰ DOANH

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 VND
Chi phí lương và các khoản đóng góp theo lương	252.674.740	228.194.962
Chi phí khấu hao tài sản cố định	30.667.500	30.667.500
Chi phí khác	358.874.505	347.348.450
	642.216.745	606.210.912

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

25. CHI PHÍ NGHIỆP VỤ MÔI GIỚI CHỨNG KHOÁN

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 VND</i>
Chi phí hoa hồng	15.026.239.733	6.234.825.954
Chi phí môi giới giao dịch chứng khoán	6.937.055.162	4.330.787.150
Chi phí lương và các khoản đóng góp theo lương	1.350.359.054	1.642.020.298
Chi phí khấu hao tài sản cố định	308.895.487	302.323.482
	23.622.549.436	12.509.956.884

26. CHI PHÍ NGHIỆP VỤ LƯU KÝ CHỨNG KHOÁN

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 VND</i>
Chi phí lưu ký	848.305.089	1.058.840.516
Chi phí lương và các khoản đóng góp theo lương	96.857.425	127.466.963
	945.162.514	1.186.307.479

27. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TƯ VẤN TÀI CHÍNH

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 VND</i>
Chi phí lương và các khoản theo lương	224.004.960	617.679.293

28. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 VND</i>
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	7.491.803.997	-
Doanh thu lãi tiền gửi không kỳ hạn	210.153.947	186.857.913
	7.701.957.944	186.857.913

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

29. CHI PHÍ QUẢN LÝ

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 VND
Chi phí lương và các khoản đóng góp theo lương	5.935.474.745	6.264.733.146
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.692.038.532	6.380.210.119
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn	816.687.369	843.832.625
Chi phí khấu hao tài sản cố định	595.172.190	597.137.658
Chi phí công cụ, dụng cụ	258.923.023	179.626.992
Chi phí văn phòng phẩm	23.915.483	9.208.344
Chi phí khác	940.637.213	526.717.658
	15.262.848.555	14.801.466.542

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

30.1 Thuế TNDN hiện hành

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ kế toán hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 VND
(Lỗ)/lợi nhuận thuần trước thuế	(65.217.719.377)	65.433.014.783
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	(13.043.543.875)	13.086.602.956
Các khoản điều chỉnh tăng	22.106.711.060	5.010.165.089
Chênh lệch giảm đánh giá lại TSTC FVTPL	22.057.831.414	4.914.393.628
Chi phí hoạt động không được khấu trừ	48.848.141	95.754.316
Chi phí dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư	-	17.145
Điều chỉnh tăng khác	31.505	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(2.413.296.675)	(13.816.760.826)
Chênh lệch tăng đánh giá lại TSTC FVTPL	(2.304.563.628)	(13.478.389.777)
Thu nhập từ cổ tức	(108.733.047)	(96.720.539)
Chuyển lỗ năm trước	-	(241.650.510)
Chi phí thuế TNDN ước tính	6.649.870.510	4.280.007.219
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN năm trước	197.937.471	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	6.847.807.981	4.280.007.219

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

30.2 Thuế TNDN hoãn lại

Thay đổi thuế TNDN hoãn lại phải trả và ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty như sau:

<i>Báo cáo tình hình tài chính</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động</i>	
		<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 VND</i>
<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND</i>		
Thuế TNDN hoãn lại phải trả			
Chênh lệch về đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL	- 12.301.671.140	(12.301.671.140)	8.563.996.149
(Thu nhập)/chi phí thuế TNDN hoãn lại		(12.301.671.140)	8.563.996.149

31. LÃI/(LỖ) CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận/(lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Thu nhập/(lỗ) pha loãng trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận/(lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi/(lỗ) trên cổ phiếu:

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
(Lỗ)/lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	(59.763.856.218)	52.589.011.415
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông - Đơn vị	46.294.144	34.000.000
(Lỗ)/lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	(1.291)	1.547
(Lỗ)/thu nhập pha loãng trên mỗi cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	(1.291)	1.547

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

32. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

32.1 *Nghiệp vụ với các bên liên quan*

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Cho kỳ kế toán</i>	<i>Cho kỳ kế toán</i>
		<i>sáu tháng kết thúc</i>	<i>sáu tháng kết thúc</i>
		<i>ngày 30 tháng 6</i>	<i>ngày 30 tháng 6</i>
		<i>năm 2022</i>	<i>năm 2021</i>
		<i>VND</i>	<i>VND</i>
Các bên liên quan với Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	Vay Thanh toán nợ vay Chi phí lãi vay	- 18.356.244.878 368.312.151	3.518.850.000 3.518.850.000 52.830.953
Nhân sự chủ chốt	Thu nhập và thù lao	2.237.794.347	1.314.007.504

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Phải thu/(phải trả)</i>	
		<i>Ngày 30 tháng 6</i>	<i>Ngày 31 tháng 12</i>
		<i>năm 2022</i>	<i>năm 2021</i>
		<i>VND</i>	<i>VND</i>
Các bên liên quan với Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	Vay ngắn hạn Phải trả lãi vay	- -	18.640.767.326 85.755.732

32.2 *Cam kết thuê hoạt động*

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Ngày 30 tháng 6</i>	<i>Ngày 31 tháng 12</i>
	<i>năm 2022</i>	<i>năm 2021</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Đến 1 năm	5.390.410.690	7.642.959.310
Từ 1 đến 5 năm	3.171.727.383	4.420.874.157
Trên 5 năm	539.000.000	833.000.000
	9.101.138.073	12.896.833.467

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

32. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

32.3 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay, khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các tài sản tài chính FVTPL, HTM, các khoản cho vay, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các tài sản tài chính FVTPL, HTM, các khoản cho vay, tiền gửi và các khoản vay của Công ty.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi và các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì các công cụ tài chính của Công ty chịu lãi suất cố định.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính biến động do thay đổi tỷ giá ngoại tệ hối đoái. Công ty theo dõi trạng thái của các loại ngoại tệ hàng ngày và các chiến lược phòng ngừa rủi ro được áp dụng để đảm bảo trạng thái các loại ngoại tệ được duy trì trong hạn mức đã thiết lập. Phân loại tài sản và công nợ ngoại tệ theo loại tiền tệ đã được quy đổi sang VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 như sau:

	Ngoại tệ AUD VND	Ngoại tệ USD VND	Tổng cộng VND
Tài sản	3.166.956	2.313.000	5.479.956
Tiền	3.166.956	2.313.000	5.479.956
Nợ phải trả	65.120.000.000	-	65.120.000.000
Vay	65.120.000.000	-	65.120.000.000
Trạng thái tiền tệ nội bảng	(65.116.833.044)	2.313.000	(65.114.520.044)

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

32. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

32.3 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Khi thay đổi về giá cổ phiếu có thể ảnh hưởng đến lợi nhuận và vốn chủ sở hữu của Công ty.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết và UPCoM của Công ty là 128.634.741.580 VND (Ngày 31 tháng 12 năm 2021: 153.942.578.640 VND). Nếu giá của các cổ phiếu này giảm 10% thì lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ giảm khoảng 12.863.474.158 VND (Ngày 31 tháng 12 năm 2021: 15.394.257.864 VND). Nếu giá của các cổ phiếu này tăng lên 10%, lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ tăng lên khoảng 12.863.474.158 VND (Ngày 31 tháng 12 năm 2021: 15.394.257.864 VND).

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản cho vay ký quỹ, ứng trước tiền bán cho khách hàng và các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Phải thu khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được và yêu cầu các hình thức đảm bảo hoặc bảo hiểm tín dụng cho các khách hàng lớn. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng và thành lập một bộ phận kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận kế toán của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay ký quỹ và ứng trước cho khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến quy trình cho vay ký quỹ và ứng trước cho khách hàng.

Công ty thực hiện đánh giá và thẩm định khách hàng để xác định hạn mức tín dụng cũng như các tỷ lệ ký quỹ và ứng trước khi ký kết các hợp đồng ký quỹ và ứng trước cho khách hàng, cũng như định kỳ kiểm tra lại tình hình tài chính của khách hàng vay để có các điều chỉnh phù hợp về tỷ lệ ký quỹ và hạn mức tín dụng.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

32. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

32.3 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Các khoản cho vay ký quỹ và ứng trước cho khách hàng (tiếp theo)

Ban Điều hành của Công ty đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt, ngoại trừ các khoản phải thu được trình bày ở bảng dưới đây được coi là quá hạn nhưng chưa bị suy giảm tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 do chưa đến thời hạn trích lập dự phòng theo Thông tư số 48/2019/TT-BTC.

Chi tiết về phân loại chất lượng tín dụng toàn bộ tài sản tài chính có liên quan đến rủi ro tín dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 như sau:

	Không quá hạn và không bị suy giảm VND	Quá hạn nhưng không bị suy giảm				Bị suy giảm giá trị VND	Tổng cộng VND
		Dưới 3 tháng VND	Từ 3 - 6 tháng VND	Trên 6 - 12 tháng VND	Trên 1 năm VND		
Tiền và các khoản tương đương tiền	36.900.919.282	-	-	-	-	-	36.900.919.282
Các khoản đầu tư giữ đến đáo hạn	90.000.000.000	-	-	-	-	-	90.000.000.000
Các khoản cho vay	520.628.549.136	-	-	-	-	-	520.628.549.136
Tài sản tài chính khác	12.004.657.442	235.094.984	387.885.479	-	-	1.244.195.813	13.871.833.718
- Phải thu bán các tài sản tài chính	135.280.000	-	-	-	-	-	135.280.000
- Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi tài sản tài chính chưa đến ngày nhận	1.597.926.735	-	-	-	-	-	1.597.926.735
- Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	189.011.496	235.094.984	387.885.479	-	-	1.244.195.813	2.056.187.772
- Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	1.533.105.880	-	-	-	-	-	1.533.105.880
- Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	8.549.333.331	-	-	-	-	-	8.549.333.331
	659.534.125.860	235.094.984	387.885.479	-	-	1.244.195.813	661.401.302.136

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

32. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

32.3 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ở mức mà Ban Điều hành cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2022:

	Quá hạn VND	Không kỳ hạn VND	Đến 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng cộng VND
TÀI SẢN TÀI CHÍNH						
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	36.900.919.282	-	-	-	36.900.919.282
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	-	-	130.035.620.780	-	-	130.035.620.780
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	90.000.000.000	-	-	90.000.000.000
Các khoản cho vay	-	-	520.628.549.136	-	-	520.628.549.136
Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp - gộp	1.867.176.276	-	189.011.496	-	-	2.056.187.772
Phải thu bán các tài sản tài chính	-	-	135.280.000	-	-	135.280.000
Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi tài sản tài chính chưa đến ngày nhận	-	-	1.597.926.735	-	-	1.597.926.735
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	-	-	-	1.533.105.880	-	1.533.105.880
Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	-	-	8.549.333.331	-	-	8.549.333.331
	1.867.176.276	36.900.919.282	751.135.721.478	1.533.105.880	-	791.436.922.916
NỢ TÀI CHÍNH						
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	-	-	33.266.589.344	-	-	33.266.589.344
Vay	-	-	119.873.000.000	124.197.850.000	-	244.070.850.000
Nợ tài chính khác	-	-	3.115.638.959	-	-	3.115.638.959
	-	-	156.255.228.303	124.197.850.000	-	280.453.078.303
Mức chênh lệch thanh khoản ròng	1.867.176.276	36.900.919.282	594.880.493.175	(122.664.744.120)	-	510.983.844.613

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

32. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

32.3 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

33. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

Bà Tô Thị Ngọc Hà
Người lập

Bà Nguyễn Thị Đoàn Thủy
Kế toán Trưởng



Ông Trần Đình Khánh
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 13 tháng 8 năm 2022

